

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học đợt 1 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học”;

Căn cứ Quyết định số 2822/QĐ-SĐH ngày 04 tháng 11 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo cao học cho trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2812/QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ kết quả tuyển sinh và biên bản họp Hội đồng tuyển sinh Sau đại học đợt 1 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 139 thí sinh trúng tuyển cao học đợt 1 năm 2023 của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM (Danh sách học viên kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Học viên cao học có trách nhiệm thực hiện quy chế và được hưởng các quyền lợi theo quy chế đào tạo Sau đại học đã ban hành.

Điều 3. Các Ông, Bà Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Phòng Đào tạo Sau đại học, Ban Chủ nhiệm các Khoa/Bộ môn có đào tạo Sau đại học và các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch Tài chính;
- Lưu HC, ĐT.SĐH.


PGS.TS. Huỳnh Thanh Hùng

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC
ĐỢT 1 NĂM 2023**

(Ban hành kèm theo quyết định số 586 /QĐ-ĐHNL-SĐH ngày 13 tháng 5 năm 2023)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ghi chú
1	Hồ Minh Cường	22/10/1999	An Giang	Bảo vệ Thực vật	
2	Nguyễn Công Đức	18/09/1980	Bến Tre	Bảo vệ Thực vật	
3	Phạm Phước Đức	03/07/1999	Đồng Tháp	Bảo vệ Thực vật	
4	Đinh Thị Ngọc Dung	28/12/1992	Tây Ninh	Bảo vệ Thực vật	
5	Võ Huy Hoàng	28/04/1999	An Giang	Bảo vệ Thực vật	
6	Nguyễn Nhứt Khang	05/05/1999	Bến Tre	Bảo vệ Thực vật	
7	Huỳnh Thị Phương Thanh	30/06/1991	Bà Rịa-Vũng Tàu	Bảo vệ Thực vật	
8	Nguyễn Thị Thùy Trang	05/07/1992	Tiền Giang	Bảo vệ Thực vật	
9	Trần Phương Ly	10/02/2000	Bình Phước	Công nghệ Sinh học	
10	Nguyễn Hữu Nghĩa	09/11/1997	Tây Ninh	Công nghệ Sinh học	
11	Trần Trung Nguyên	05/10/1999	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Sinh học	
12	Nguyễn Thị Hồng Nhi	19/02/1995	Đồng Tháp	Công nghệ Sinh học	
13	Lê Hữu Minh Sang	10/03/1993	Lâm Đồng	Công nghệ Sinh học	
14	Đoàn Thị Quỳnh Hoa	17/07/1995	Thanh Hoá	Công nghệ Thực phẩm	
15	Phạm Văn Minh Hùng	09/08/1994	TP. Hồ Chí Minh	Công nghệ Thực phẩm	
16	Trần Nguyễn Thiên Hương	22/11/1983	Trà Vinh	Công nghệ Thực phẩm	
17	Bùi Thị Thanh Phương	28/10/1993	Bến Tre	Công nghệ Thực phẩm	
18	Võ Văn Hồng Thẩm	29/03/1999	Long An	Công nghệ Thực phẩm	
19	Đỗ Huy Thịnh	14/12/1998	Vĩnh Long	Công nghệ Thực phẩm	
20	Trần Phạm Huyền Trang	14/10/1999	Thái Bình	Công nghệ Thực phẩm	
21	Trần Thị Cẩm Tú	28/09/1998	Tây Ninh	Công nghệ Thực phẩm	
22	Nguyễn Thị Kim Vân	13/05/1996	Đồng Nai	Công nghệ Thực phẩm	
23	Hồ Mạnh Hà	05/07/1980	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
24	Huỳnh Trọng Hiếu	06/08/1993	Bình Dương	Lâm học	
25	Trần Hải Hiếu	28/02/1999	Tây Ninh	Lâm học	
26	Võ Trường Sơn	07/02/1995	Tiền Giang	Lâm học	
27	Trần Hoàng Thạch	03/11/1996	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
28	Lương Thị Thu Thảo	06/12/2000	Phú Yên	Lâm học	
29	Võ Phan Thanh Thảo	14/02/1993	Ninh Thuận	Lâm học	
30	Phạm Thành Thật	18/07/1996	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
31	Trương Quốc Việt	11/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Lâm học	
32	Huỳnh Phú Đức	08/08/1997	Long An	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
33	Đỗ Thị Cẩm Hằng	18/08/2000	Tiền Giang	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
34	Trần Văn Hiếu	10/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
35	Trần Hoàng	22/02/1991	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
36	Nguyễn Kim Ngân	16/04/1999	Lâm Đồng	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
37	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	23/09/1985	Quảng Ngãi	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	

38	Đặng Ngọc Anh	Thy	09/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
39	Nguyễn Trần Minh	Triết	18/11/1994	Phú Yên	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
40	Nguyễn Thành	Trung	04/12/1979	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
41	Nguyễn Trần Thanh	Tú	20/01/2000	Tiền Giang	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
42	Mai Thanh	Tùng	10/02/1993	Gia Lai	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
43	Nguyễn Phúc	Vinh	04/04/1997	Vĩnh Long	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	
44	Trần Minh	Chức	10/10/1991	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
45	Phạm Xuân	Đạt	13/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Đất đai	
46	Trần Thị Yến	Duyên	19/04/1982	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
47	Hồ Thị	Giang	14/04/1982	Nghệ An	Quản lý Đất đai	
48	Kim Phương	Giang	06/01/1981	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
49	Nguyễn Thị Kiều	Giang	30/12/1986	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
50	Nguyễn Minh	Hiếu	02/09/1997	Long An	Quản lý Đất đai	
51	Huỳnh Hữu	Hưng	03/08/1983	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
52	Phạm Nguyễn Tuấn	Huy	28/06/1999	Bình Dương	Quản lý Đất đai	
53	Trương Như	Huỳnh	29/04/1985	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
54	Sử Chí	Khanh	24/03/2888	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
55	Lê Quang	KHOA	12/07/1993	Đồng Tháp	Quản lý Đất đai	
56	Trà Tuấn	Kiệt	20/06/1996	Bình Dương	Quản lý Đất đai	
57	Nguyễn Quốc	Linh	25/10/1983	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
58	Trịnh Thị Cẩm	Loan	30/06/1989	Bà Rịa-Vũng Tàu	Quản lý Đất đai	
59	Trần Công	Lý	20/11/1989	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
60	Hà Quang	Minh	17/01/1998	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
61	Nguyễn Thị Hồng	Nga	11/07/1988	Bến Tre	Quản lý Đất đai	
62	Lê Xuân Tuyền	Ngân	20/01/1999	Tiền Giang	Quản lý Đất đai	
63	Phan Thành	Nghĩa	11/10/1980	Bình Định	Quản lý Đất đai	
64	Lê Thị Quỳnh	Như	20/03/1999	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Đất đai	
65	Trần Thị Hồng	Nhung	06/04/1999	Tây Ninh	Quản lý Đất đai	
66	Trần Thị Tuyết	Nữ	18/10/1995	Tây Ninh	Quản lý Đất đai	
67	Nguyễn Tấn	Phong	30/12/1977	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
68	Tô Hồng	Phong	09/03/1992	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
69	Trần Thanh	Phú	22/08/1983	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Đất đai	
70	Lê Minh	Quân	05/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Đất đai	
71	Bùi Minh	Quận	27/07/1997	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
72	Trần Văn	Quý	05/08/1995	TP. Hồ Chí Minh	Quản lý Đất đai	
73	Hoàng Xuân	Quyết	10/06/1987	Bình Phước	Quản lý Đất đai	
74	Lê Anh	Tài	18/09/1999	Bình Phước	Quản lý Đất đai	
75	Nguyễn Ngọc	Thắm	14/10/1999	Long An	Quản lý Đất đai	
76	Bùi Long	Thành	15/05/2000	Bình Phước	Quản lý Đất đai	
77	Châu Minh	Thiện	09/11/1996	Tiền Giang	Quản lý Đất đai	
78	Lê Thị Kim	THoa	13/10/1983	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
79	Ngô Hồng	Thuận	09/01/1987	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
80	Hà Văn	Thực	02/01/1988	Tây Ninh	Quản lý Đất đai	
81	Trần Nguyễn Hoài	Thương	27/10/1998	Tiền Giang	Quản lý Đất đai	
82	Lê Thị Mỹ	Thuyền	03/08/1999	Bình Dương	Quản lý Đất đai	
83	Võ Trung	Tín	26/09/1995	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	

84	Trần Quốc	Trạng	15/11/1982	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
85	Lâm Thanh	Tuấn	15/08/1986	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
86	Nguyễn Xuân	Tuấn	05/11/1983	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
87	Cao Phương	Uyên	01/03/1981	Kiên Giang	Quản lý Đất đai	
88	Phạm Duy	Vũ	25/06/1999	Bình Phước	Quản lý Đất đai	
89	Phạm Văn	Vũ	10/04/1993	Quảng Ngãi	Quản lý Đất đai	
90	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/06/1994	An Giang	Quản lý Đất đai	
91	Võ Thị Xuân	Hương	02/11/1984	Phú Yên	Nuôi trồng Thủy sản	
92	Lê Thảo	Như	14/05/1994	Vĩnh Long	Nuôi trồng Thủy sản	
93	Bùi Thị Ngọc	Phi	01/01/1983	Long An	Nuôi trồng Thủy sản	
94	Phạm Minh	Tấn	28/06/1981	Ninh Bình	Nuôi trồng Thủy sản	
95	Dương Ngọc	Thật	05/03/1994	Đồng Tháp	Nuôi trồng Thủy sản	
96	Hồ Việt	Anh	13/05/1997	Đắk Lắk	Khoa học Cây trồng	
97	Lê Thanh	Hậu	25/04/1999	Long An	Khoa học Cây trồng	
98	Nguyễn Hoài	Linh	03/07/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Khoa học Cây trồng	
99	Nguyễn Thị Thùy	Linh	14/10/1996	Tiền Giang	Khoa học Cây trồng	
100	Nguyễn Thị	Nguyệt	28/09/1993	Thái Bình	Khoa học Cây trồng	
101	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/02/1999	Bến Tre	Khoa học Cây trồng	
102	Trần Trọng	Phúc	27/06/1998	Bình Thuận	Khoa học Cây trồng	
103	Tất Huỳnh Yến	Phụng	08/10/1997	Sóc Trăng	Khoa học Cây trồng	
104	Phan Văn	Sơn	02/10/1980	Quảng Bình	Khoa học Cây trồng	
105	Đinh Thị	Thanh	19/02/1994	Nam Định	Khoa học Cây trồng	
106	Huỳnh Duy	Thanh	23/08/1983	Bến Tre	Khoa học Cây trồng	
107	Đinh Thị Thu	Thảo	13/01/1993	Tiền Giang	Khoa học Cây trồng	
108	Nguyễn Lê Hoài	Thương	10/11/2000	Tiền Giang	Khoa học Cây trồng	
109	Lê Thị Thùy	Tiên	28/07/1993	Long An	Khoa học Cây trồng	
110	Huỳnh Thị Kim	Vy	21/05/1983	Quảng Ngãi	Khoa học Cây trồng	
111	Lê Thị Hồng	Ân	25/01/1998	Long An	Thú y	
112	Nguyễn Tuyết Kiều	Diễm	22/06/1997	Đồng Nai	Thú y	
113	Đinh Thị Thùy	Dung	31/07/1983	Long An	Thú y	
114	Nguyễn Kim	Dũng	15/01/1984	Tây Ninh	Thú y	
115	Nguyễn Hồng	Hải	10/03/1998	Cần Thơ	Thú y	
116	Phan Đình	Hân	20/05/1984	Hải Dương	Thú y	
117	Trần Thanh	Hậu	16/12/1990	Bình Định	Thú y	
118	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	09/02/1979	Đắk Lắk	Thú y	
119	Nguyễn Thị Thu	Hồng	13/09/1997	Kon Tum	Thú y	
120	Nguyễn Quang	Khánh	15/02/1995	TP. Hồ Chí Minh	Thú y	
121	Nguyễn Thị	Kiều	06/04/1991	Bình Định	Thú y	
122	Nguyễn Duy	Linh	07/04/1999	Đắk Lắk	Thú y	
123	Lê Diễm	My	12/10/1999	Tiền Giang	Thú y	
124	Nguyễn Trung	Nghĩa	19/03/1999	Long An	Thú y	
125	Hà Thúc	Nhật	23/05/1999	Bình Định	Thú y	
126	Trần Thị Hải	Ninh	19/03/1993	Nghệ An	Thú y	
127	Dường Cầu	Phúc	15/06/1990	Đồng Nai	Thú y	
128	Nguyễn Thanh	Tâm	15/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	Thú y	
129	Nghị Quốc	Thái	10/06/1991	Sóc Trăng	Thú y	

130	Nguyễn Phương	Thanh	03/03/1995	Long An	Thú y	
131	Lý Như	Thê	07/10/2000	An Giang	Thú y	
132	Nguyễn Quốc	Tiến	30/04/1995	Đồng Nai	Thú y	
133	Nguyễn Thị Thùy	Trang	14/03/1994	Quảng Bình	Thú y	
134	Mai Thùy	Trinh	28/12/1993	Nam Định	Thú y	
135	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	01/05/1996	Đồng Nai	Thú y	
136	Nguyễn Quốc	Trung	26/03/1992	TP. Hồ Chí Minh	Thú y	
137	Nguyễn Hữu	Tuấn	01/03/1972	Hà Nội	Thú y	
138	Nguyễn Ánh	Tuyết	07/12/1989	TP. Hồ Chí Minh	Thú y	
139	Phạm Thanh	Vũ	15/01/1980	Bến Tre	Thú y	

Tổng cộng : 139 học viên, trong đó:

Bảo vệ Thực vật:	8
Công nghệ Sinh học:	5
Công nghệ Thực phẩm:	9
Lâm học:	9
QL Tài nguyên và Môi trường:	12
Quản lý Đất đai:	47
Nuôi trồng Thủy sản:	5
Khoa học Cây trồng:	15
Thú y:	29

